CÔNG TY TNHH CELTIC LOGISTICS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CELTIC LOGISTICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM CELTIC LOGISTICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CELTIC LOGISTICS CO .,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109159214

3. Ngày thành lập: 15/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36, ngõ 96 Đê La Thành, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
2.	Lập trình máy vi tính	*6201*
3.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
4.	Cổng thông tin	*6312*
5.	Hoạt động viễn thông có dây	*6110*
6.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	*7010*
7.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
8.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
9.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
10.	Bán buôn đồ uống	*4633*
11.	Quảng cáo	*7310*
12.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát	*5630*
14.	Đại lý du lịch	*7911*

15.	Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ôtô; Cho thuê xe có động cơ khác.	*7710*
16.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	*5510*
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	*8299*
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
20.	Đào tạo trung cấp	*8532*
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	*4610*
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh	*5610*
24.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	*5225*
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển	*5229(Chính)*
29.	In ấn	*1811*
30.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*

31.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Thiết bị điện cho gia đình	*7729*
32.	Cho thuê băng, đĩa video	*7722*
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
34.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
35.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
37.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
38.	Hoạt động nhiếp ảnh	*7420*
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
40.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
41.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	*4659*
43.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	*4649*
45.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
48.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*

50.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	*4784*
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	*4711*
52.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
53.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
54.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
55.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
60.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.	*7110*
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá)	*4511*
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
63.	Điều hành tua du lịch	*7912*
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
65.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	*8010*
66.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
68.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
69.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*

70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sôđa, muối công nghiệp, axít và lưu huỳnh,... Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão. - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	*4669*
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
72.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4774*
73.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
74.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
77.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
78.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
79.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;	*4663*

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THỊ HÒA	Chung cư Thăng Long Victory, KĐT An khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	022190003323	
2	TRẦN THỊ HIỀN	Thôn 4, Xã Hoàng Tân, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	100295822	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: TRẦN THỊ HIỀN Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *15/08/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *100295822*
Ngày cấp: *06/09/2005* Nơi cấp: *Công an tỉnh Quảng Ninh*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 4, Xã Hoàng Tân, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Thôn 4, Xã Hoàng Tân, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội